



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 71/2025/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2024, định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2025 như sau:

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024

1. Tình hình kinh tế chung năm 2024.

Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục quá trình phục hồi chậm và không đồng đều. Nhiều nền kinh tế phát triển đang phải đối mặt với nguy cơ suy giảm tăng trưởng, bất chấp chính sách tiền tệ đã bắt đầu nới lỏng. Tình trạng căng thẳng trong thương mại quốc tế, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc, Nga và phương Tây đang và sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng tiêu cực lên tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Tại Việt Nam, lạm phát cơ bản được kiểm soát, sản xuất phục hồi, tăng trưởng kinh tế cả năm 2024 đạt 7,09% là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực.

Doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ năm 2024 đạt 79.300 tỷ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ. Năm 2024 được đánh giá là năm khó khăn đối với ngành bảo hiểm khi siêu bão Yagi đã tàn phá khủng khiếp đã khiến ngành bảo hiểm phải chi trả khoản bồi thường lớn chưa từng có làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của các công ty bảo hiểm.

2. Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động của HĐQT trong năm 2024.

Năm 2024 HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành và các đơn vị trong hệ thống tiếp tục triển khai các sáng kiến chiến lược với phương châm lấy khách hàng làm trọng tâm, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ vào toàn diện hoạt động kinh doanh, từ việc xây dựng sản phẩm số chuyên biệt cho từng kênh, từng đối tượng khách hàng, chuyển đổi số mạnh

mẽ trong toàn bộ các quy trình bao gồm quy trình khách hàng, quy trình nội bộ để việc cung cấp sản phẩm dịch vụ cho khách hàng được thực hiện một cách nhanh nhất và chất lượng nhất. Kết thúc năm 2024, MIC giữ vững vị trí TOP 4 thị phần tăng 1 bậc so với 2023. Tổng doanh thu năm 2024 đạt 5.384 tỷ đồng hoàn thành 82% kế hoạch, tăng trưởng 7,1%, Lợi nhuận trước thuế đạt 308 tỷ đồng hoàn thành 70% kế hoạch, tổng tài sản đạt 9.835 tỷ đồng tăng trưởng 12%, sử dụng hiệu quả vốn chủ sở hữu với ROE đạt 11,3%, Tỷ lệ chi phí kết hợp ở mức 103,6%, vượt kế hoạch 7,6% do tác động của cơn bão Yagi vào đầu tháng 9/2024. Tỷ lệ bồi thường thuộc mức trách nhiệm giữ lại đạt ~31,6%, giảm 3,2% so với năm 2023, năng suất lao động tăng 9% so với cùng kỳ.

Trong năm 2024 MIC đã xây dựng 06 sản phẩm mang tính chất sáng tạo đó là các sản phẩm số đơn giản và mang tính gia tăng trải nghiệm của khách hàng, doanh thu đến từ các sản phẩm sáng tạo chiếm ~1,5% tổng doanh thu trong năm 2024. MIC đã thành lập trung tâm quản lý dữ liệu qua đó hệ thống hóa nguồn dữ liệu, triển khai đến các nghiệp vụ bảo hiểm đáp ứng các yêu cầu báo cáo quản trị chung toàn Tổng công ty và cung cấp hệ thống báo cáo tự động đến các CTTV, quản trị và khai thác dữ liệu tập trung, tối ưu nguồn lực và sử dụng phân tích dữ liệu chuyên sâu đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh. MIC tiếp tục tối ưu hóa kênh bancas và tập trung phát triển các kênh bán hệ sinh thái, kênh bancas đạt tốc độ tăng trưởng 15,5%, tập trung xây dựng sản phẩm/hệ thống kết nối các hệ sinh thái hiện hữu, số lượng khách hàng mới phát sinh từ các hệ sinh thái đạt 180.000 khách hàng. Về số hóa quy trình khai thác/ cấp đơn - Hoàn thành golive 7 nghiệp vụ gồm: Ô tô, Tài sản, Kỹ thuật, Tàu thuyền, Hàng hóa, Hàng không, xe máy. Về số hóa quy trình bồi thường hoàn thành 100%, golive toàn bộ 8/8 nghiệp vụ gồm: Xe cơ giới, Con người, Tài sản Kỹ thuật, Tàu thuyền, Hàng hóa, Hồn hợp, Kỹ thuật, Trách nhiệm. Ngoài ra MIC đầu tư mới nâng cấp cơ sở hạ tầng trung tâm dữ liệu đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu kinh doanh, quy mô tăng trưởng về doanh thu và giao dịch trong tương lai, đáp ứng yêu cầu bảo mật CNTT, an toàn thông tin.

Năm 2024 MIC triển khai hệ thống đo lường năng suất lao động, triển khai cơ chế lương theo năng suất lao động tự động 100% trên phần mềm đến tất cả các công ty thành viên trên toàn hệ thống, áp dụng chính sách lương theo năng suất lao động đối với toàn bộ đội ngũ nhân sự giám định bồi thường toàn hệ thống. Cơ chế này đã góp phần thay đổi hành vi bán hàng, thúc đẩy tăng năng suất lao động cũng như tạo động lực cho

lực lượng bán đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng ở cả khâu dịch vụ sau bán, giải quyết bồi thường cho khách hàng. Triển khai và ứng dụng Agile trong các dự án công nghệ thông tin, phát triển sản phẩm, cải tiến quy trình. Các chuỗi đào tạo đổi mới dành cho cán bộ nhân viên toàn hệ thống như chuỗi Easy Learning, kết hợp giữa đào tạo trực tiếp với các chuyên gia đào tạo có uy tín trên thị trường và đào tạo online qua hệ thống đào tạo elearning được đầu tư công nghệ học tập hiện đại.

HDQT chỉ đạo hoàn thiện khung quản trị rủi ro, xây dựng khẩu vị rủi ro và các chính sách rủi ro theo các thông lệ quốc tế, coi quản trị rủi ro là nhân tố cốt lõi để phát triển kinh doanh đảm bảo sự an toàn, bền vững cho MIC. Rà soát, đánh giá, hoàn thiện các quy trình quy chế/ mô hình tổ chức quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ của MIC. Rà soát, đánh giá các tiềm ẩn rủi ro công nghệ trong hoạt động phát triển, vận hành hệ thống phần mềm, qua đó hoàn thiện quy trình, quy định, có các giải pháp tăng cường bảo mật hệ thống.

Trong năm 2024 MIC đã thực hiện chi trả cổ tức 10% bằng tiền mặt theo đúng Quyết nghị của ĐHĐCĐ. Hoàn thành phương án tăng vốn điều lệ thêm 259.008.750.000 VNĐ thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (chi tiết kết quả phát hành theo Báo cáo số 45/2025/BC-HDQT ngày 17/02/2025 đính kèm theo báo cáo này), hoàn thành phương án tăng vốn điều lệ thêm 28.600.000.000 VNĐ thông qua phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên. Hiện tại MIC đang thực hiện các thủ tục để niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm và thủ tục xin Bộ tài chính cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động ghi nhận mức vốn điều lệ mới. Năm 2024 MIC thực hiện trích lập đầy đủ các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 đã được Đại hội thông qua.

HDQT tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách của MIC, chỉ đạo rà soát hệ thống văn bản nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của MIC.

3. Tổ chức hoạt động của HDQT.

Các thành viên HDQT đã tham gia các cuộc họp của HDQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HDQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HDQT, các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị thực hiện tốt công tác tham mưu, tư vấn, giúp việc HDQT trong việc thực hiện

nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị, phát triển nguồn nhân lực, quản trị rủi ro, đầu tư.

Bên cạnh việc định hướng hoạt động cho Ban điều hành, HĐQT cũng thực hiện công tác giám sát Ban điều hành thường xuyên, đảm bảo tính tuân thủ và hiệu quả. HĐQT cũng phối hợp với Ban kiểm soát trong việc chỉ đạo các chương trình kiểm tra, kiểm toán toàn diện, trao đổi thường xuyên với Ban điều hành, BKS, các đơn vị kinh doanh để nắm rõ tình hình hoạt động của Tổng Công ty từ đó có những giải pháp thiết thực giúp Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ.

Thù lao của các Thành viên HĐQT, Thành viên BKS đã được chi trả theo đúng ngân sách đã được ĐHĐCĐ phê duyệt năm 2024, phù hợp Điều lệ MIC và các quy định hiện hành có liên quan.

Theo đánh giá của thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có định hướng mục tiêu chiến lược rõ ràng và chỉ đạo quyết liệt để MIC đạt được các mục tiêu và hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và cán bộ nhân viên. Cơ chế lãnh đạo được phân quyền và ủy quyền linh hoạt phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ, tạo điều kiện cho Ban điều hành và các công ty thành viên triển khai kinh doanh thuận lợi. Phê duyệt các Tờ trình thuộc thẩm quyền HĐQT kịp thời đúng thời gian quy định.

4. Một số tồn tại.

Bên cạnh những kết quả đạt được, HĐQT đánh giá vẫn còn một số tồn tại, cụ thể như sau:

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận còn chưa hoàn thành kế hoạch
- Dữ liệu, thông tin về khách hàng còn chưa đầy đủ, chưa chính xác gây khó khăn trong việc phân tích dữ liệu.

PHẦN II: ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025.

1. Triển vọng kinh tế năm 2025.

Năm 2025, nền kinh tế thế giới có thể tiếp tục đối diện nhiều thách thức, như cuộc chiến thuế quan, xung đột địa chính trị.

Tại Việt Nam, trong năm 2025 Quốc hội đã đặt mục tiêu tăng trưởng 6,5-7%, Chính phủ đã kêu gọi đạt mức tăng trưởng ít nhất 8%, với sự hỗ trợ từ việc giải ngân vốn đầu tư công nhanh hơn để thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng và thu hút thêm đầu tư.

Trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, Bộ Tài chính dự kiến, năm 2025 doanh thu phí bảo hiểm trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 85.938 tỷ đồng, duy trì tăng trưởng ở mức 10%.

2. Định hướng hoạt động trong năm 2025

Trong năm 2025, HĐQT MIC đặt mục tiêu giữ vững thị phần TOP 4 thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, doanh thu bảo hiểm tăng trưởng 25%, lợi nhuận tăng trưởng 75%, tỷ lệ cổ tức tối thiểu 10%, hoạt động đầu tư theo hướng an toàn và hiệu quả. MIC xác định các định hướng hoạt động sau:

- Tiếp tục triển khai chiến lược kinh doanh 2022-2026: Thu hút khách hàng, tăng trưởng doanh thu vượt trội, hướng đến tất cả các nghiệp vụ đều nằm trong Top 3-5 của thị trường. Tập trung phát triển các mô hình kinh doanh mới theo hướng đưa sản phẩm của MIC vào các hệ sinh thái có tệp khách hàng lớn, thiết kế các sản phẩm số đơn giản và mang tính gia tăng trải nghiệm của khách hàng không chỉ khi sử dụng dịch vụ của MIC mà còn gia tăng trải nghiệm ở kênh chính của khách hàng. Mặt khác năm 2025 cần tập trung nguồn lực thúc đẩy nghiệp vụ Tài sản kỹ thuật trong bối cảnh Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công.

+ Rà soát, đánh giá lại các kênh bán đang triển khai để nhận diện được vấn đề còn tồn tại qua đó tinh chỉnh hoàn thiện để tối ưu hóa khả năng khai thác.

+ Mở rộng phát triển các Đại lý tổ chức, Tổ chức tín dụng, duy trì và khai thác tối đa tệp khách hàng hiện hữu, khách hàng Quân đội, các Tập đoàn kinh tế lớn.

+ Tiếp tục rà soát, tinh chỉnh các quy trình nội bộ, quy trình khách hàng trên phương châm lấy khách hàng làm trung tâm, mục đích mang đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng, tập trung đẩy mạnh chất lượng dịch vụ đảm bảo nhanh chóng, thuận tiện từ khâu mua hàng đến khâu bồi thường.

+ Hoàn thành và đưa vào vận hành toàn bộ hệ thống core bảo hiểm.

+ Tiếp tục nâng cao năng lực và chất lượng phân tích rủi ro, năng lực giám sát và cảnh báo sớm, kiểm soát chặt chẽ các vấn đề về tuân thủ.

+ Thường xuyên rà soát mô hình tổ chức, biên chế theo hướng tinh gọn, chất lượng, rà soát các quy định nội bộ: quy chế Tài chính, quy chế Lương- đãi ngộ, chú trọng mảng đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ nguồn, xây dựng chính sách đãi ngộ đảm bảo tính cạnh tranh trong ngành, xây dựng các chính sách chế độ phúc lợi để tăng cường công tác chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho toàn thể cán bộ nhân viên.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và định hướng hoạt động năm 2025 của Hội đồng Quản trị MIC. Thay mặt HĐQT, BKS tôi xin trân trọng cảm ơn Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Ngân hàng TMCP Quân đội, Quý Cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể CBNV MIC đã luôn ủng hộ giúp đỡ chúng tôi trong thời gian vừa qua và hy vọng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý vị trong thời gian tới giúp Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Kính chúc toàn thể Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc, thành công./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VPHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Uông Đông Hưng

Phụ lục 01: Tổng kết các cuộc họp HĐQT và các Nghị quyết của HĐQT năm 2024**1. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị**

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Uông Đông Hưng	06/06	100%
3	Nguyễn Thị Thủy	05/06	83%
5	Đinh Như Tuynh	06/06	100%
6	Đặng Quốc Tiến	06/06	100%
7	Ngô Bích Ngọc	06/06	100%

2. Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị

STT	Số NQ	Ngày	Nội dung
1	01/2024/NQ-HĐQT	24/01/2024	Thi đua khen thưởng 2023
2	02/2024/NQ-HĐQT	24/01/2024	Kết quả kinh doanh năm 2023 và công tác triển khai kinh doanh năm 2024
3	03/2024/NQ-HĐQT	13/03/2024	Thông qua việc tiếp tục triển khai tăng vốn điều lệ
4	04/2024/NQ-HĐQT	14/03/2024	Thông qua Sửa đổi bổ sung Điều lệ MIC 2023
5	05/2024/NQ-HĐQT	17/04/2024	Thông qua phương án thực hiện chi trả cổ tức năm tài chính 2023
6	06/2024/NQ-HĐQT	31/05/2024	Thông qua hạn mức tín dụng tại TCTD năm 2024
7	07/2024/NQ-HĐQT	31/05/2024	Thông qua hạn mức tín dụng tại TCTD năm 2024
8	08/2024/NQ-HĐQT	31/05/2024	Thông qua hạn mức tín dụng tại TCTD năm 2024
9	09/2024/NQ-HĐQT	04/06/2024	Thông qua triển khai phương án tăng vốn điều lệ
10	10/2024/NQ-HĐQT	04/06/2024	Thông qua Bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2024
11	11/2024/NQ-HĐQT	21/06/2024	Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2024
12	12/2024/NQ-HĐQT	17/07/2024	Thông qua Kết quả kinh doanh 6 tháng 2024 và triển khai kinh doanh quý 3 năm 2024
13	13/2024/NQ-HĐQT	17/07/2024	Thi đua khen thưởng 6 tháng đầu năm 2024
14	14/2024/NQ-HĐQT	24/10/2024	Thông qua Kết quả kinh doanh 9 tháng 2024 và triển khai kinh doanh quý 4 năm 2024
15	15/2024/NQ-HĐQT	27/11/2024	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông hiện hữu để thực hiện quyền mua cổ phiếu
16	16/2024/NQ-HĐQT	11/12/2024	Thông qua thực hiện các Hợp đồng, giao dịch với Ocean Bank

Phụ lục 02: Giao dịch giữa MIC và người có liên quan của công ty tính đến thời điểm 31/12/2024.

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Số hợp đồng	Giá trị đã phát sinh(VNĐ)	Loại hợp đồng
1	Công Ty Quản Lý Nợ Và Khai Thác Tài Sản (MBAMC)	161020/HĐTVP/MBAMC-MIC 01/HĐTVP/MBAMC-MIC 02/HĐTVP/MBAMC-MIC	10,411,372,089	Hợp đồng thuê nhà
2	Công Ty Quản Lý Nợ Và Khai Thác Tài Sản (MBAMC)		100,028,339	Hợp đồng bảo hiểm gốc
3	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư MB (MBCapital)	Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 0110/2014/QLĐT/MBCapital-MIC	25,330,194,480	Hợp đồng ủy thác đầu tư
4	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư MB (MBCapital)	Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 0110/2014/QLĐT/MBCapital-MIC	19,000,000,000	Hợp đồng ủy thác đầu tư
5	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư MB (MBCapital)	Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 0110/2014/QLĐT/MBCapital-MIC	25,000,000,000	Hợp đồng ủy thác đầu tư
6	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư MB (MBCapital)	Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 0110/2014/QLĐT/MBCapital-MIC	51,200,000,000	Hợp đồng ủy thác đầu tư
7	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư MB (MBCapital)	Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 0110/2014/QLĐT/MBCapital-MIC	25,000,000,000	Hợp đồng ủy thác đầu tư
8	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư MB (MBCapital)		31,237,636	Hợp đồng bảo hiểm gốc
9	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư MB (MBCapital)		215,615,000	Hợp đồng bảo hiểm gốc
10	Công Ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ MB Ageas (MBAL)		5,130,880,923	Hợp đồng bảo hiểm gốc
11	Công Ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ MB Ageas (MBAL)		32,375,060	Hợp đồng bảo hiểm gốc
12	Công Ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ MB Ageas (MBAL)		26,679,772	Hợp đồng bảo hiểm gốc
13	Công Ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ MB Ageas (MBAL)		441,031,452	Hợp đồng bảo hiểm gốc
14	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán MB (MBS)		1,722,658,792	Hợp đồng bảo hiểm gốc
15	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán MB (MBS)		98,893,841	Hợp đồng bảo hiểm gốc

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Số hợp đồng	Giá trị đã phát sinh(VNĐ)	Loại hợp đồng
16	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán MB (MBS)		13,113,578	Hợp đồng bảo hiểm gốc
17	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán MB (MBS)		1,477,064	Hợp đồng bảo hiểm gốc
18	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	HĐ DL: 01/HDDL/2021/MIC-MC ký ngày 26/03/2021 HĐ DV số 01/HDHT/2022/MIC-MC	122,701,493,067	Hợp đồng đại lý, hợp đồng dịch vụ
19	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	HĐ DL: 01/HDDL/2021/MIC-MC ký ngày 26/03/2021 HĐ DV số 01/HDHT/2022/MIC-MC	126,608,487,246	Hợp đồng đại lý, hợp đồng dịch vụ
20	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	HĐ DL: 01/HDDL/2021/MIC-MC ký ngày 26/03/2021 HĐ DV số 01/HDHT/2022/MIC-MC	150,279,422,341	Hợp đồng đại lý, hợp đồng dịch vụ
21	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	HĐ DL: 01/HDDL/2021/MIC-MC ký ngày 26/03/2021 HĐ DV số 01/HDHT/2022/MIC-MC	191,949,209,086	Hợp đồng đại lý, hợp đồng dịch vụ
22	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)		2,829,058,901	Hợp đồng bảo hiểm gốc
23	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)		21,062,539	Hợp đồng bảo hiểm gốc
24	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)		88,296,328	Hợp đồng bảo hiểm gốc
25	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM09012024.HDDTG/MCREDIT-MIC/01	60,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
26	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM14032024.HĐTG/MCREDIT-MIC/01	100,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
27	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM29032024.HĐTG/MCREDIT-MIC/01	50,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
28	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM01042024.HĐTG/MCREDIT-MIC/01	50,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
29	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM01042024.HĐTG/MCREDIT-MIC/02	80,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
30	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM01042024.HĐTG/MCREDIT-MIC/03	120,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Số hợp đồng	Giá trị đã phát sinh(VNĐ)	Loại hợp đồng
31	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM09042024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/01	50,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
32	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM03052024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/04	100,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
33	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM03052024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/05	200,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
34	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM08052024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/01	85,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
35	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM11062024/MIC-MCREDIT-05	70,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
36	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM11062024/MIC-MCREDIT-06	80,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
37	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM11062024/MIC-MCREDIT-07	90,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
38	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM01082024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/01	40,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
39	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM06082024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/01	80,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
40	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM21082024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/01	50,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
41	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM16092024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/01	70,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
42	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM16092024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/02	80,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
43	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	CCTG-2022-2224-004	30,000,000,000	Chứng chỉ tiền gửi
44	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM14032024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/01	100,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
45	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM29032024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/01	50,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
46	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM01042024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/02	50,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
47	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM01042024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/03	80,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
48	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM09042024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/01	120,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Số hợp đồng	Giá trị đã phát sinh(VNĐ)	Loại hợp đồng
49	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM03052024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/04	50,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
50	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM16092024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/02	100,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
51	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM18122023.HĐTG/MCRE DIT-MIC/01	80,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
52	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM01102024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/01	50,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
53	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM01102024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/02	60,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
54	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM01102024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/03	65,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
55	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM01102024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/04	75,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
56	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM10102024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/01	50,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
57	Công ty tài chính TNHH MB Shinsei (Mcredit)	MM06112024.HĐTG/MCRE DIT-MIC/01	100,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
58	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	Hợp đồng đại lý số 01/2019/HĐDL/MB-MIC, HĐ qly TK chuyên thu 2019/HĐ/MB-MIC, HĐ tư vấn 02/2019/HĐTVTC/MB-MIC	23,029,858,656	Hợp đồng đại lý số 01/2019/HĐDL/MB-MIC, HĐ qly TK chuyên thu 2019/HĐ/MB-MIC, HĐ tư vấn 02/2019/HĐTVTC/MB-MIC
59	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	Hợp đồng đại lý số 01/2019/HĐDL/MB-MIC, HĐ qly TK chuyên thu 2019/HĐ/MB-MIC, HĐ tư vấn 02/2019/HĐTVTC/MB-MIC	43,362,615,764	Hợp đồng đại lý số 01/2019/HĐDL/MB-MIC, HĐ qly TK chuyên thu 2019/HĐ/MB-MIC, HĐ tư vấn 02/2019/HĐTVTC/MB-MIC
60	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	Hợp đồng đại lý số 01/2019/HĐDL/MB-MIC, HĐ qly TK chuyên thu 2019/HĐ/MB-MIC, HĐ tư vấn 02/2019/HĐTVTC/MB-MIC	23,607,611,931	Hợp đồng đại lý số 01/2019/HĐDL/MB-MIC, HĐ qly TK chuyên thu 2019/HĐ/MB-MIC, HĐ tư vấn 02/2019/HĐTVTC/MB-MIC

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Số hợp đồng	Giá trị đã phát sinh(VNĐ)	Loại hợp đồng
61	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	Hợp đồng đại lý số 01/2019/HĐDL/MB-MIC, HĐ qly TK chuyên thu 2019/HĐ/MB-MIC, HĐ tư vấn 02/2019/HĐTVTC/MB-MIC	26,252,510,361	Hợp đồng đại lý số 01/2019/HĐDL/MB-MIC, HĐ qly TK chuyên thu 2019/HĐ/MB-MIC
62	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)		20,910,992,370	Hợp đồng bảo hiểm gốc
63	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)		49,145,123,117	Hợp đồng bảo hiểm gốc
64	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)		846,905,164	Hợp đồng bảo hiểm gốc
65	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)		11,200,422,543	Hợp đồng bảo hiểm gốc
66	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	204.24.950.363621.TG.DN	70,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
67	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	2381.24.950.363621.TG.DN	150,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
68	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	6593.24.950.363621.TG.DN	50,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
69	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	6594.24.950.363621.TG.DN	20,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
70	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	9774.24.950.363621.TG.DN	30,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
71	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	10300.24.950.363621.TG.DN	30,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
72	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	10542.24.950.363621.TG.DN	140,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
73	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	11402.24.950.363621.TG.DN	50,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
74	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	11498.24.950.363621.TG.DN	9,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
75	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	48380.22.950.363621.TG.DN	4,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
76	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	48382.22.950.363621.TG.DN	7,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
77	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	48383.22.950.363621.TG.DN	10,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
78	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	2381.24.950.363621.TG.DN	150,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
79	Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	11402.24.950.363621.TG.DN	50,000,000,000	Hợp đồng tiền gửi
80	Ngân hàng Việt Nam hiện đại (MBV)		153,565,750	Hợp đồng bảo hiểm gốc
81	Ngân hàng Việt Nam hiện đại (MBV)		347,393,800	Hợp đồng đại lý, hợp đồng dịch vụ



Số: 45/2025/BC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 220/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/2024)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân Đội
2. Tên viết tắt: MIC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5-6, toà nhà MB, 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
4. Số điện thoại: (84-4) 6285 3388 Fax: (84-4) 024.385 26666 Website: www.mic.vn
5. Vốn điều lệ: 1.726.725.000.000 đồng
6. Mã cổ phiếu: MIG
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 3
Số hiệu tài khoản: 00511 00307 007
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Không áp dụng.
9. Giấy phép thành lập và hoạt động số 43 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 08/10/2007, giấy phép điều chỉnh số 43/GPĐC41/KDBH ngày 19/02/2024.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân Đội
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
3. Số lượng cổ phiếu chào bán (Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 220/GCN-UBCK ngày 26/11/2024): 25.900.875 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 25.900.875 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 cổ phiếu.
4. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: 259.008.750.000 đồng, trong đó:
 - Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 259.008.750.000 đồng.

- Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng.
- 6. Phương thức phân phối: thông qua việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu.
- 7. Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền:
 - Đối với cổ đông hiện hữu thực hiện đăng ký mua cổ phiếu: từ ngày 18/12/2024 đến ngày 08/01/2025.
 - Đối với nhà đầu tư mua cổ phiếu còn dư của đợt chào bán: từ ngày 20/01/2025 đến ngày 10/02/2025.
- 8. Ngày kết thúc đợt chào bán: ngày 10/02/2025.
- 9. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Dự kiến trong Tháng 3 năm 2025, sau khi Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội hoàn tất đăng ký bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX).

III. KẾT QUẢ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

Đối tượng mua cổ phiếu	Giá chào bán (đồng/cổ phiếu)	Số cổ phiếu chào bán	Số cổ phiếu được đăng ký mua	Số cổ phiếu được phân phối	Số nhà đầu tư đăng ký mua	Số nhà đầu tư được phân phối	Số nhà đầu tư không được phân phối	Số cổ phiếu còn lại	Tỷ lệ cổ phiếu được phân phối (*)
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10
1. Chào bán cổ phiếu ra công chúng	10.000	25.900.875	25.334.230	25.344.230	2.613	2.613	0	556.645	97,85%
2. Xử lý cổ phiếu không phân phối hết	10.000	556.645	556.645	556.645	1 (**)	1 (**)	0	0	2,15%
Tổng số		25.900.875	25.900.875	25.900.875	2.613	2.613	0	0	100%
1. Nhà đầu tư trong nước	10.000	21.521.117	21.611.710 (**)	21.611.710 (**)	2.473	2.473	0	0	83,44%
2. Nhà đầu tư nước ngoài, Tổ chức kinh tế	10.000	4.378.100	4.289.165	4.289.165	140	140	0	88.935 (**)	16,56%

Đối tượng mua cổ phiếu	Giá chào bán (đồng/cổ phiếu)	Số cổ phiếu chào bán	Số cổ phiếu được đăng ký mua	Số cổ phiếu được phân phối	Số nhà đầu tư đăng ký mua	Số nhà đầu tư được phân phối	Số nhà đầu tư không được phân phối	Số cổ phiếu còn lại	Tỷ lệ cổ phiếu được phân phối (*)
có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
Tổng số		25.900.875	25.900.875	25.900.875	2.613	2.613	0	0	100%

(*) Tỷ lệ cổ phiếu được phân phối được tính bằng tỷ lệ số cổ phiếu được phân phối tại cột (5) chia cho tổng số cổ phiếu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 220/GCN-UBCK ngày 26/11/2024 (25.900.875 cổ phiếu).

(**) Nhà đầu tư mua số cổ phiếu không phân phối hết theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 là Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), là cổ đông lớn (cổ đông hiện hữu) của MIC, MB là một trong số 2.613 nhà đầu tư mua cổ phiếu ở mục 1 và là một trong số 2.473 nhà đầu tư trong nước thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.

Số lượng cổ phiếu xử lý cổ phiếu không phân phối hết là 556.645 cổ phiếu bao gồm 88.935 cổ phiếu dôi dư do cổ đông nước ngoài không thực hiện quyền mua và 466.052 cổ phiếu dôi dư do cổ đông trong nước không thực hiện quyền mua và 1.658 cổ phiếu lẻ phát sinh khi thực hiện làm tròn số cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu theo nguyên tắc làm tròn. Chi tiết được làm rõ tại Phụ lục 2 kèm theo báo cáo này.

- Đợt phát hành không có bảo lãnh phát hành.
- Phân phối số cổ phiếu còn lại cho một nhà đầu tư xác định:

Thông tin về số cổ phiếu, tỷ lệ chào bán cho từng nhà đầu tư và người có liên quan của họ trên vốn điều lệ trong đợt chào bán này và trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất và thông tin về tỷ lệ sở hữu của từng nhà đầu tư và người có liên quan của họ sau đợt chào bán được trình bày tại Phụ lục 1 kèm theo báo cáo này.

IV. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

1. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 25.900.875 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu chào bán, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu của Tổ chức phát hành: 25.900.875 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 cổ phiếu.
2. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 259.008.750.000 đồng, trong đó:

- Tổng số tiền của Tổ chức phát hành: 259.008.750.000 đồng.
- Tổng số tiền của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 đồng.
- 3. Tổng chi phí: 270.100.000 đồng.
 - Phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng: 25.000.000 đồng.
 - Phí chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm: 14.000.000 đồng.
 - Phí chuyển tiền từ VSDC sang tài khoản phong tỏa: 1.100.000 đồng
 - Phí tư vấn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ: 230.000.000 đồng
- 4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 258.738.650.000 đồng.

V. CƠ CẤU VỐN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH SAU ĐỢT CHÀO BÁN

1. Cơ cấu vốn

Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành: 198.573.375 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu trước đợt phát hành: 172.672.500 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 25.900.875 cổ phiếu

TT	Danh mục	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài				
1	Trong nước	5.683	165.096.285	1.650.962.850.000	83,14%
1.1	Nhà nước	0	0	0	0
1.2	Tổ chức	24	142.434.556	1.424.345.560.000	71,73%
1.3	Cá nhân	5.659	22.661.729	226.617.290.000	11,41%
2	Nước ngoài	259	33.477.090	334.770.900.000	16,86%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	36	32.659.629	326.596.290.000	16,45%
2.2	Cá nhân	223	817.461	8.174.610.000	0,41%
	Tổng cộng (1 + 2)	5.942	198.573.375	1.985.733.750.000	100%
II	Cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông khác				
1	Cổ đông sáng lập (*)	1	136.327.683	1.363.276.830.000	68,65%
2	Cổ đông lớn (*)	2	156.028.016	1.560.280.160.000	78,57%

TT	Danh mục	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu
3	Cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	5.940	42.545.359	425.453.590.000	21,43%
	Tổng cộng (2 + 3)	5.942	198.573.375	1.985.733.750.000	100%

(*) Công ty có 01 cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông lớn

2. Danh sách và tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ngân Hàng TMCP Quân Đội	0100283873	136.327.683	68,65%
2	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	CA5604	19.700.333	9,92%

VI. TÀI LIỆU GỬI KÈM

1. Văn bản xác nhận số dư tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.
2. Công văn giải trình về số dư tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của MIC.
3. Nghị quyết của Hội đồng quản trị MIC về việc thông qua phân phối số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sau khi cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
4. Nghị quyết của Hội đồng quản trị MIC về việc thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM QUÂN ĐỘI
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Uông Đông Hưng

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng số 45/2025/MIC-BC ngày 17/02/2025 của
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội)

Trường hợp phân phối số cổ phiếu còn lại cho một hoặc một số nhà đầu tư xác định:

- Nêu số cổ phiếu, tỷ lệ chào bán cho từng nhà đầu tư và người có liên quan của họ trên vốn điều lệ trong đợt chào bán này và trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất;
- Nêu tỷ lệ sở hữu của từng nhà đầu tư và người có liên quan của họ sau đợt chào bán.

STT	Tên nhà đầu tư và người có liên quan	Mối liên hệ với nhà đầu tư	Đợt chào bán này			Sau đợt chào bán	
			Số cổ phiếu chào bán	Tỷ lệ số cổ phiếu chào bán trên vốn điều lệ trong đợt chào bán này (%)	Tỷ lệ số cổ phiếu chào bán trên vốn điều lệ trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất (%)	Số cổ phiếu MIG sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MIG sau đợt chào bán
1	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Công ty mẹ	18.265.910	9,198%	9,198%	136.327.683	68,654%
1.1	Thực hiện quyền mua theo tỷ lệ		17.709.265	8,918%	8,918%		
1.2	Mua Xứ lý cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ		556.645	0,280%	0,280%		
2	Vũ Thị Hải Phượng	Người liên quan với công ty mẹ	67.644	0,034%	0,034%	518.610	0,261%
3	Lê Quốc Minh	Người liên quan với công ty mẹ	3.012	0,002%	0,002%	23.094	0,012%
4	Uông Đông Hưng	Người liên quan với công ty mẹ	1.992	0,001%	0,001%	13.282	0,007%

STT	Tên nhà đầu tư và người có liên quan	Mối liên hệ với nhà đầu tư	Đợt chào bán này			Sau đợt chào bán	
			Số cổ phiếu chào bán	Tỷ lệ số cổ phiếu chào bán trên vốn điều lệ trong đợt chào bán này (%)	Tỷ lệ số cổ phiếu chào bán trên vốn điều lệ trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất (%)	Số cổ phiếu MIG sở hữu sau đợt chào bán	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu MIG sau đợt chào bán
5	Ngô Bích Ngọc	Người liên quan với công ty mẹ	6.737	0,003%	0,003%	51.656	0,026%
6	MB Capital	Người liên quan với công ty mẹ	375.626	0,189%	0,189%	2.879.800	1,450%
	Tổng cộng		18.720.921	9,427%	9,427%	139.814.125	70,410%

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng số 45/2025/MIC-BC ngày 17/02/2025. của
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội)

Đối tượng mua cổ phiếu	Giá chào bán (đồng/cổ phiếu)	Số cổ phiếu chào bán	Số cổ phiếu được đăng ký mua	Số cổ phiếu được phân phối	Số nhà đầu tư đăng ký mua	Số nhà đầu tư được phân phối	Số nhà đầu tư không được phân phối	Số cổ phiếu còn lại	Tỷ lệ cổ phiếu được phân phối (*)
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10
1. Chào bán cổ phiếu ra công chúng	10.000	25.900.875	25.334.230	25.344.230	2.613	2.613	0	556.645	97,85%
2. Xử lý cổ phiếu không phân phối hết	10.000	556.645	556.645	556.645	1 (**)	1	0	0	2,15%
Tổng số		25.900.875	25.900.875	25.900.875	2.613	2.613	0	0	100,00%
1. Nhà đầu tư trong nước	10.000	21.521.117	21.611.710	21.611.710	2.473	2.473	0	0	83,44%
1.1. Mua theo quyền mua của cổ đông hiện hữu	10.000	21.521.117	21.055.065	21.055.065	2.473	2.473	0	466.052 (**)	81,29%
1.2. Mua cổ phiếu còn dư do nhà đầu tư trong nước không mua hết	10.000	466.052(**)	466.052	466.052	1(**)	1	0	0	1,80%
1.3. Mua cổ phiếu còn dư do nhà đầu tư nước ngoài không mua hết	10.000	88.935(**)	88.935	88.935	1(**)	1	0	0	0,34%
1.4. Mua cổ phiếu lẻ phát sinh	10.000	1.658(**)	1.658	1.658	1(**)	1	0	0	0,01%
2. Nhà đầu tư nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	10.000	4.378.100	4.289.165	4.289.165	140	140	0	88.935 (**)	16,56%
Tổng số		25.900.875	25.900.875	25.900.875	2.613	2.613	0	0	100,00%



(*) Tỷ lệ cổ phiếu được phân phối được tính bằng tỷ lệ số cổ phiếu được phân phối tại cột (5) chia cho tổng số cổ phiếu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 220/GCN-UBCK ngày 26/11/2024 (25.900.875 cổ phiếu).

(**) Nhà đầu tư mua số cổ phiếu không phân phối hết theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2025/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 là Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), là cổ đông lớn (cổ đông hiện hữu) của MIC, MB là một trong số 2.613 nhà đầu tư mua cổ phiếu ở mục 1 và là một trong số 2.473 nhà đầu tư trong nước thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.

Số lượng cổ phiếu xử lý cổ phiếu không phân phối hết là 556.645 cổ phiếu bao gồm 88.935 cổ phiếu dôi dư do cổ đông nước ngoài không thực hiện quyền mua và 466.052 cổ phiếu dôi dư do cổ đông trong nước không thực hiện quyền mua và 1.658 cổ phiếu lẻ phát sinh khi thực hiện làm tròn số cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu theo nguyên tắc làm tròn



SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

No: 71/2025/BC-HĐQT

Ha Noi, day 10 month 3 year 2025

REPORT

ON THE RESULTS OF OPERATIONS IN 2024 AND ORIENTATION FOR 2025

Attention To: The General Meeting of Shareholders of Military Insurance Corporation (MIC)

The Board of Directors (BOD) of Military Insurance Corporation respectfully submits to the General Meeting of Shareholders (GMS) a report on the operational results of the BOD in 2024 and the operational orientation for 2025 as follows:

PART I: RESULTS OF THE BOARD OF DIRECTORS' OPERATIONS IN 2024

1. General Economic Situation in 2024.

In 2024, the global economy continued its slow and uneven recovery. Many developed economies faced the risk of declining growth despite the gradual easing of monetary policies. International trade tensions, particularly between the United States and China, as well as Russia and the West, have continued to negatively impact global economic growth. In Vietnam, core inflation was kept under control, production recovered, and economic growth for the full year 2024 reached 7.09%, a bright spot in regional economic growth.

Non-life insurance premium revenue in 2024 reached VND 79.300 billion VND, an increase of 11,7% compared to the same period last year. However, 2024 was considered a challenging year for the insurance industry due to the devastating impact of Super Typhoon Yagi, which led to unprecedented compensation payouts, significantly affecting the profitability of insurance companies.

2. Evaluation of the Board of Directors' Performance in 2024.

In 2024, the BOD directed the Executive Board and units within the system to continue implementing strategic initiatives with the guiding principle of putting customers at the center, strongly applying technology across all business operations. This included developing specialized digital products tailored to each channel and customer segment, and driving robust digital transformation across all processes - customer processes and internal processes to deliver products and services to customers in the fastest and highest-quality manner. By the end of 2024, MIC maintained its position in the TOP 4 climbing one rank compared to 2023. Total revenue for 2024 reached VND 5.384 billion, achieving 82% of the plan with a growth rate of 7,1%. Pre-tax profit was VND 308 billion, meeting 70% of the plan. Total assets reached VND 9.835 billion, growing by 12%. Equity was utilized effectively with a Return on Equity (ROE) of 11,3%. The combined expense ratio stood at 103,6%, exceeding the plan by

7,6% due to the impact of Typhoon Yagi in early September 2024. The retained liability compensation ratio was approximately 31,6%, down 3,2% from 2023, while labor productivity increased by 9% compared to the same period last year.

In 2024, MIC developed six innovative digital products that are simple and enhance customer experience, contributing approximately 1,5% to total revenue. MIC established a data management center to systematize data sources and deploy them across insurance operations, meeting the requirements for comprehensive corporate reporting and providing automated reporting systems to member companies. Centralized data management and exploitation optimized resources and utilized in-depth data analysis to meet business needs. MIC continued to optimize the bancassurance channel and focused on developing ecosystem sales channels, achieving a growth rate of 15,5% in bancassurance. Product development and system integration with existing ecosystems resulted in 180.000 new customers from ecosystems. Regarding the digitization of underwriting and policy issuance processes, MIC completed the go-live for seven lines of business: Motor vehicles, Property, Engineering, Marine, Cargo, Aviation, and Motorcycles. The digitization of the claims process was fully completed, with go-live for all eight lines of business: Motor vehicles, Personal, Property & Engineering, Marine, Cargo, Miscellaneous, Engineering, and Liability. Additionally, MIC invested in upgrading its data center infrastructure to meet international standards, supporting business needs, future revenue and transaction growth, and ensuring IT security and information safety requirements.

In 2024, MIC implemented a labor productivity measurement system and deployed a 100% automated productivity-based salary mechanism via software across all member companies in the system. This policy was applied to the entire claims appraisal staff, contributing to changes in sales behavior, boosting labor productivity, motivating the sales force, and improving service quality in post-sales and claims settlement for customers. Agile methodologies were applied to IT projects, product development, and process improvements. Innovative training programs for employees across the system, such as the Easy Learning series, combined in-person training with reputable market experts and online training via a modern e-learning system with advanced learning technology investments.

The BOD directed the enhancement of the risk management framework, establishing a risk appetite and policies aligned with international practices, considering risk management a core factor for safe and sustainable business development at MIC. The BOD reviewed, evaluated, and refined risk management processes, regulations, and the internal control organizational model. Potential technology-related risks in software development and operations were assessed and addressed by improving processes, regulations, and implementing solutions to enhance system security.

In 2024, MIC paid a 10% cash dividend as approved by the GMS resolution. The plan to increase charter capital by VND 259.008.750.000 through issuing shares to existing shareholders was completed (details in Report No. 45/2025/BC-HĐQT dated February 17, 2025, attached to this report). Additionally, the plan to increase charter capital by VND 28.600.000.000 through issuing shares to employees (ESOP) was finalized. MIC is currently completing procedures to list the additional issued shares and

apply to the Ministry of Finance to amend the Establishment and Operation License to reflect the new charter capital level. In 2024, MIC fully allocated funds as per the 2023 profit distribution plan approved by the GMS.

The BOD continued to refine MIC's mechanisms and policies, directing a review of internal documents to ensure compliance with legal regulations and MIC's actual operational conditions.

3. Organization and Operations of the Board of Directors.

OD members participated in meetings and provided written opinions on matters within the BOD's authority with a high sense of responsibility, leveraging the leadership capabilities of BOD members. Committees under the BOD effectively advised, consulted, and assisted the BOD in exercising its duties and powers related to governance, human resource development, risk management, and investment.

In addition to setting operational directions for the Executive Board, the BOD conducted regular oversight to ensure compliance and effectiveness. The BOD collaborated with the Supervisory Board in directing comprehensive inspection and audit programs, maintaining regular communication with the Executive Board, Supervisory Board, and business units to stay informed about the company's operations and provide practical solutions to support the Executive Board in fulfilling its tasks.

Remuneration for BOD and Supervisory Board members was paid in accordance with the budget approved by the GMS in 2024, in line with MIC's Charter and relevant regulations.

According to the independent BOD member's assessment, the BOD provided clear strategic objectives and strong leadership to ensure MIC achieved its goals and effectively executed its business plan, safeguarding the interests of shareholders and employees. The leadership mechanism was flexibly delegated and authorized in compliance with legal and internal regulations, facilitating smooth business operations for the Executive Board and member companies. Proposals within the BOD's authority were approved promptly and within the stipulated timelines.

4. Shortcomings.

Despite the achievements, the BOD identified several shortcomings, including:

- Revenue and profit growth rates did not fully meet the plan.
- Customer data and information remained incomplete and inaccurate, posing challenges to data analysis.

PART II: OPERATIONAL ORIENTATION FOR 2025.

1. Economic Outlook for 2025.

In 2025, the global economy may continue to face numerous challenges, such as tariff wars and geopolitical conflicts.

In Vietnam, the National Assembly has set a growth target of 6,5–7% for 2025, while the Prime Minister has called for at least 8% growth, supported by faster

disbursement of public investment capital to promote infrastructure development and attract further investment.

In the non-life insurance sector, the Ministry of Finance forecasts that premium revenue in 2025 will reach approximately VND 85.938 billion, maintaining a growth rate of 10%.

2. Operational Orientation for 2025

In 2025, MIC's BOD aims to maintain its TOP 4 market share in the non-life insurance market, achieve 25% growth in insurance revenue, 75% growth in profit, a minimum dividend rate of 10%, and pursue safe and effective investment activities. MIC has outlined the following operational directions:

- Continue implementing the 2022–2026 business strategy: Attract customers, achieve outstanding revenue growth, and aim for all business lines to rank in the TOP 3–5 in the market. Focus on developing new business models by integrating MIC's products into ecosystems with large customer bases, designing simple digital products that enhance customer experience not only with MIC's services but also within customers' primary channels. Additionally, in 2025, prioritize resources to promote the Property & Engineering business line amid the government's push for public investment.

- + Review and evaluate existing sales channels to identify issues, refine, and optimize exploitation potential.

- + Expand the development of organizational agents and credit institutions, maintain and maximize the existing customer base, military customers, and large economic groups.

- + Continue reviewing and refining internal and customer processes with a customer-centric approach, aiming to deliver the best customer experience, and focus on improving service quality to ensure speed and convenience from purchase to claims settlement.

- + Complete and fully operationalize the core insurance system.

- + Enhance risk analysis capabilities, improve monitoring and early warning systems, and tightly control compliance issues.

- + Regularly review the organizational structure and staffing for efficiency and quality, revise internal regulations (e.g., financial regulations, salary and incentive policies), emphasize training and development of key personnel, establish competitive remuneration policies within the industry, and develop welfare programs to enhance employee healthcare and well-being.

Above is the Report on the Operational Results of 2024 and the Operational Orientation for 2025 of MIC's Board of Directors. On behalf of the BOD and Supervisory Board, I sincerely thank the Ministry of Defense, Ministry of Finance, Military Commercial Joint Stock Bank, esteemed shareholders, customers, partners, and all MIC employees for their continuous support over the past period. We hope to

continue receiving your support in the future to help Military Insurance Corporation achieve the goals and tasks entrusted by the General Meeting of Shareholders.

Wishing all delegates and shareholders good health, happiness, and success./.

Recipients:

- As addressed;

- Filed: BOD Office.

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS

CHAIRMAN

Uong Dong Hung

Appendix 01: Summary of Board of Directors Meetings and Resolutions in 2024

1. Board of Directors Meetings

No.	Board Member	Number of Meetings Attended	Attendance Rate
1	Uong Dong Hung	06/06	100%
3	Nguyen Thi Thuy	05/06	83%
5	Dinh Nhu Tuynh	06/06	100%
6	Dang Quoc Tien	06/06	100%
7	Ngo Bich Ngoc	06/06	100%

2. Resolutions of the Board of Directors

No.	Resolution No.	Date	Details
1	01/2024/NQ-HĐQT	24/01/2024	Commendation and reward for 2023
2	02/2024/NQ-HĐQT	24/01/2024	Business results of 2023 and business plan for 2024
3	03/2024/NQ-HĐQT	13/03/2024	Approval of continued charter capital increase
4	04/2024/NQ-HĐQT	14/03/2024	Approval of amendments and supplements to MIC's Charter 2023
5	05/2024/NQ-HĐQT	17/04/2024	Approval of the 2023 dividend payment plan
6	06/2024/NQ-HĐQT	31/05/2024	Approval of credit limit at financial institutions for 2024
7	07/2024/NQ-HĐQT	31/05/2024	Approval of credit limit at financial institutions for 2024
8	08/2024/NQ-HĐQT	31/05/2024	Approval of credit limit at financial institutions for 2024
9	09/2024/NQ-HĐQT	04/06/2024	Approval of the implementation plan for charter capital increase
10	10/2024/NQ-HĐQT	04/06/2024	Approval of the public offering registration documents for 2024
11	11/2024/NQ-HĐQT	21/06/2024	Approval of the selection of an auditing firm for the 2024 financial statements
12	12/2024/NQ-HĐQT	17/07/2024	Approval of business results for the first half of 2024 and Q3 business plan
13	13/2024/NQ-HĐQT	17/07/2024	Commendation and reward for the first half of 2024
14	14/2024/NQ-HĐQT	24/10/2024	Approval of business results for the first 9 months of 2024 and Q4 business plan
15	15/2024/NQ-HĐQT	27/11/2024	Approval of the finalization of the shareholder list for stock purchase rights
16	16/2024/NQ-HĐQT	11/12/2024	Approval of contracts and transactions with Ocean Bank

Appendix 02: Transactions Between MIC and Related Parties of the Company as of December 31, 2024.

No.	Name of Organization/Individual	Contract Number	Value Incurred (VND)	Contract Type
1	Debt Management and Asset Exploitation Company (MBAMC)	161020/HĐTVP/MB AMC-MIC, 01/HĐTVP/MBAMC-MIC, 02/HĐTVP/MBAMC-MIC	10,411,372,089	Lease Agreement
2	Debt Management and Asset Exploitation Company (MBAMC)	-	100,028,339	Original Insurance Contract
3	MB Capital Investment Fund Management Joint Stock Company (MBCapital)	Investment Portfolio Management Contract No. 0110/2014/QLĐT/MB Capital-MIC	25,330,194,480	Investment Entrustment Contract
4	MB Capital Investment Fund Management Joint Stock Company (MBCapital)	Investment Portfolio Management Contract No. 0110/2014/QLĐT/MB Capital-MIC	19,000,000,000	Investment Entrustment Contract
5	MB Capital Investment Fund Management Joint Stock Company (MBCapital)	Investment Portfolio Management Contract No. 0110/2014/QLĐT/MB Capital-MIC	25,000,000,000	Investment Entrustment Contract
6	MB Capital Investment Fund Management Joint Stock Company (MBCapital)	Investment Portfolio Management Contract No. 0110/2014/QLĐT/MB Capital-MIC	51,200,000,000	Investment Entrustment Contract
7	MB Capital Investment Fund Management Joint Stock Company (MBCapital)	Investment Portfolio Management Contract No. 0110/2014/QLĐT/MB Capital-MIC	25,000,000,000	Investment Entrustment Contract
8	MB Capital Investment Fund Management Joint Stock Company (MBCapital)	-	31,237,636	Original Insurance Contract
9	MB Capital Investment Fund Management Joint Stock Company (MBCapital)	-	215,615,000	Original Insurance Contract
10	MB Ageas Life Insurance Company Limited (MBAL)	-	5,130,880,923	Original Insurance Contract

No.	Name of Organization/Individual	Contract Number	Value Incurred (VND)	Contract Type
11	MB Ageas Life Insurance Company Limited (MBAL)	-	32,375,060	Original Insurance Contract
12	MB Ageas Life Insurance Company Limited (MBAL)	-	26,679,772	Original Insurance Contract
13	MB Ageas Life Insurance Company Limited (MBAL)	-	441,031,452	Original Insurance Contract
14	MB Securities Joint Stock Company (MBS)	-	1,722,658,792	Original Insurance Contract
15	MB Securities Joint Stock Company (MBS)	-	98,893,841	Original Insurance Contract
16	MB Securities Joint Stock Company (MBS)	-	13,113,578	Original Insurance Contract
17	MB Securities Joint Stock Company (MBS)	-	1,477,064	Original Insurance Contract
18	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	Agency Contract: 01/HDDL/2021/MIC-MC signed on 26/03/2021, Service Contract No. 01/HDHT/2022/MIC-MC	122,701,493,067	Agency Contract, Service Contract
19	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	Agency Contract: 01/HDDL/2021/MIC-MC signed on 26/03/2021, Service Contract No. 01/HDHT/2022/MIC-MC	126,608,487,246	Agency Contract, Service Contract
20	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	Agency Contract: 01/HDDL/2021/MIC-MC signed on 26/03/2021, Service Contract No. 01/HDHT/2022/MIC-MC	150,279,422,341	Agency Contract, Service Contract
21	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	Agency Contract: 01/HDDL/2021/MIC-MC signed on 26/03/2021, Service Contract No. 01/HDHT/2022/MIC-MC	191,949,209,086	Agency Contract, Service Contract

No.	Name of Organization/Individual	Contract Number	Value Incurred (VND)	Contract Type
22	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	-	2,829,058,901	Original Insurance Contract
23	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	-	21,062,539	Original Insurance Contract
24	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	-	88,296,328	Original Insurance Contract
25	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM09012024.HDDTG/MCREDIT-MIC/01	60,000,000,000	Deposit Contract
26	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM14032024.HDTG/MCREDIT-MIC/01	100,000,000,000	Deposit Contract
27	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM29032024.HDTG/MCREDIT-MIC/01	50,000,000,000	Deposit Contract
28	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM01042024.HDTG/MCREDIT-MIC/01	50,000,000,000	Deposit Contract
29	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM01042024.HDTG/MCREDIT-MIC/02	80,000,000,000	Deposit Contract
30	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM01042024.HDTG/MCREDIT-MIC/03	120,000,000,000	Deposit Contract
31	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM09042024.HDTG/MCREDIT-MIC/01	50,000,000,000	Deposit Contract
32	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM03052024.HDTG/MCREDIT-MIC/04	100,000,000,000	Deposit Contract
33	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM03052024.HDTG/MCREDIT-MIC/05	200,000,000,000	Deposit Contract
34	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM08052024.HDTG/MCREDIT-MIC/01	85,000,000,000	Deposit Contract
35	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM11062024/MIC-MCREDIT-05	70,000,000,000	Deposit Contract
36	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM11062024/MIC-MCREDIT-06	80,000,000,000	Deposit Contract
37	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM11062024/MIC-MCREDIT-07	90,000,000,000	Deposit Contract

No.	Name of Organization/Individual	Contract Number	Value Incurred (VND)	Contract Type
38	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM01082024.HĐTG/MCREDIT-MIC/01	40,000,000,000	Deposit Contract
39	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM06082024.HĐTG/MCREDIT-MIC/01	80,000,000,000	Deposit Contract
40	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM21082024.HĐTG/MCREDIT-MIC/01	50,000,000,000	Deposit Contract
41	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM16092024.HĐTG/MCREDIT-MIC/01	70,000,000,000	Deposit Contract
42	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM16092024.HĐTG/MCREDIT-MIC/02	80,000,000,000	Deposit Contract
43	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	CCTG-2022-2224-004	30,000,000,000	Certificate of Deposit
44	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM14032024.HĐTG/MCREDIT-MIC/01	100,000,000,000	Deposit Contract
45	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM29032024.HĐTG/MCREDIT-MIC/01	50,000,000,000	Deposit Contract
46	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM01042024.HĐTG/MCREDIT-MIC/02	50,000,000,000	Deposit Contract
47	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM01042024.HĐTG/MCREDIT-MIC/03	80,000,000,000	Deposit Contract
48	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM09042024.HĐTG/MCREDIT-MIC/01	120,000,000,000	Deposit Contract
49	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM03052024.HĐTG/MCREDIT-MIC/04	50,000,000,000	Deposit Contract
50	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM16092024.HĐTG/MCREDIT-MIC/02	100,000,000,000	Deposit Contract
51	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM18122023.HĐTG/MCREDIT-MIC/01	80,000,000,000	Deposit Contract
52	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM01102024.HĐTG/MCREDIT-MIC/01	50,000,000,000	Deposit Contract
53	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM01102024.HĐTG/MCREDIT-MIC/02	60,000,000,000	Deposit Contract

No.	Name of Organization/Individual	Contract Number	Value Incurred (VND)	Contract Type
54	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM01102024.HĐTG/MCREDIT-MIC/03	65,000,000,000	Deposit Contract
55	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM01102024.HĐTG/MCREDIT-MIC/04	75,000,000,000	Deposit Contract
56	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM10102024.HĐTG/MCREDIT-MIC/01	50,000,000,000	Deposit Contract
57	MB Shinsei Finance Company Limited (Mcredit)	MM06112024.HĐTG/MCREDIT-MIC/01	100,000,000,000	Deposit Contract
58	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	Agency Contract No. 01/2019/HĐĐL/MB-MIC, Specialized Collection Account Management Contract 2019/HĐ/MB-MIC, Consulting Contract 02/2019/HĐTVTC/MB-MIC	23,029,858,656	Agency Contract, Specialized Collection Account Management Contract, Consulting Contract
59	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	Agency Contract No. 01/2019/HĐĐL/MB-MIC, Specialized Collection Account Management Contract 2019/HĐ/MB-MIC, Consulting Contract 02/2019/HĐTVTC/MB-MIC	43,362,615,764	Agency Contract, Specialized Collection Account Management Contract, Consulting Contract
60	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	Agency Contract No. 01/2019/HĐĐL/MB-MIC, Specialized Collection Account Management Contract 2019/HĐ/MB-MIC, Consulting Contract 02/2019/HĐTVTC/MB-MIC	23,607,611,931	Agency Contract, Specialized Collection Account Management Contract, Consulting Contract
61	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	Agency Contract No. 01/2019/HĐĐL/MB-MIC, Specialized Collection Account Management Contract 2019/HĐ/MB-MIC	26,252,510,361	Agency Contract, Specialized Collection Account Management Contract
62	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	-	20,910,992,370	Original Insurance Contract

No.	Name of Organization/Individual	Contract Number	Value Incurred (VND)	Contract Type
63	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	-	49,145,123,117	Original Insurance Contract
64	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	-	846,905,164	Original Insurance Contract
65	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	-	11,200,422,543	Original Insurance Contract
66	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	204.24.950.363621.T G.DN	70,000,000,000	Deposit Contract
67	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	2381.24.950.363621.T G.DN	150,000,000,000	Deposit Contract
68	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	6593.24.950.363621.T G.DN	50,000,000,000	Deposit Contract
69	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	6594.24.950.363621.T G.DN	20,000,000,000	Deposit Contract
70	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	9774.24.950.363621.T G.DN	30,000,000,000	Deposit Contract
71	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	10300.24.950.363621. TG.DN	30,000,000,000	Deposit Contract
72	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	10542.24.950.363621. TG.DN	140,000,000,000	Deposit Contract
73	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	11402.24.950.363621. TG.DN	50,000,000,000	Deposit Contract
74	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	11498.24.950.363621. TG.DN	9,000,000,000	Deposit Contract
75	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	48380.22.950.363621. TG.DN	4,000,000,000	Deposit Contract
76	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	48382.22.950.363621. TG.DN	7,000,000,000	Deposit Contract
77	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	48383.22.950.363621. TG.DN	10,000,000,000	Deposit Contract
78	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	2381.24.950.363621.T G.DN	150,000,000,000	Deposit Contract
79	Military Commercial Joint Stock Bank (MB)	11402.24.950.363621. TG.DN	50,000,000,000	Deposit Contract
80	Modern Vietnam Bank (MBV)	-	153,565,750	Original Insurance Contract
81	Modern Vietnam Bank (MBV)	-	347,393,800	Agency Contract, Service Contract